

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2020
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Triền

2. Bà Hồ Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 224/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1980 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Tổ C, sinh năm 1981 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà A, Quốc lộ 91, ấp H, thị trấn A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 25/6/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - Ông Trần Quốc H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà C từ quen biết, tìm hiểu thương yêu nhau mới tiến đến hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang ngày 28/9/2007. Sau khi kết hôn về sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng về sau không còn hạnh phúc nữa, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, những bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra, giữa ông và

nhiều lần phát sinh mâu thuẫn được gia đình hai bên hàn gắn, tuy nhiên vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, từ tháng 03 năm 2020 giữa ông và bà C đã sống ly thân nhau cho đến nay. Nay, nhận thấy không thể sống chung cuộc sống vợ chồng nên ông yêu cầu ly hôn với bà C.

- Về con chung: Giữa ông và bà C có 02 con chung tên Trần Thiên L, sinh ngày 08/01/2009 và Trần Minh T, sinh ngày 27/9/2016, hiện đang sống với ông. Sau khi ly hôn ông yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Bà Phan Thị Tố C: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa án để hòa giải. Tuy nhiên, bà C có Đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 19/8/2020, theo nội dung bà C trình bày trong Đơn thể hiện: Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông H; Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thiên L, sinh năm 2009 và Trần Minh T, sinh năm 2016 hiện đang sống với ông H, sau khi ly hôn bà đồng ý để ông H nuôi 02 con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Bản tự khai ngày 25/6/2020; Giấy CMND, sổ hộ khẩu của ông H (Bản photo); Phiếu gửi hồ sơ khởi kiện cho bị đơn; Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh cháu Long và cháu Triết (Bản sao); Tờ ghi ý kiến của cháu Trần Thiên L; Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/8/2020.

- Các tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Giấy Chứng minh nhân dân (Bản photo); Đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt ngày 19/8/2020.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản không lấy được lời khai của bà C ngày 13/8/2020; Biên bản xác minh ông Phan Thành Đ về tình trạng hôn nhân ngày 13/8/2020, Sổ hộ khẩu của bà C (Do ông Đ cung cấp)

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Ông H được ly hôn với bà C; Về con chung: Ông H

được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Trần Thiên L, sinh ngày 08/01/2009 và Trần Minh T, sinh ngày 27/9/2016, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông H và bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trần Quốc H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Tố C do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phan Thị Tố C có nơi cư trú tại số nhà 40, Quốc lộ 91, ấp Hòa Phú 1, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, ông H và bà C vắng mặt. Tuy nhiên, cả hai đều có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H và bà C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Ông H và bà C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa ông H và bà C xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo ông H nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa ông bà kéo dài và xảy ra nhiều lần, mặc dù được gia đình hai bên động viên vẫn không thể hàn gắn, từ tháng 03 năm 2020 giữa ông và bà C đã sống ly thân nhau cho đến nay, vì vậy ông H yêu cầu được ly hôn với bà C. Đối với yêu cầu ly hôn của ông H thì bà C cũng đồng ý ly hôn.

Theo Biên xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà C ngày 13/8/2020, ông Phan Thành Đ là cha ruột của bà C trình bày: Theo ông biết giữa vợ chồng ông H và bà C có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và giải quyết nội bộ gia đình, sự việc này trước đây đã từng xảy ra 2 lần và cả hai từng muốn ly hôn nhưng được người lớn gia đình hai bên động viên hàn gắn nên chung sống lại. Hiện nay là lần thứ 3 phát sinh mâu thuẫn nên ông cũng không thể khuyên can được gì, theo ông giữa ông H và bà C không có khả năng đoàn tụ vì đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa ông H và bà C lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho, cả hai đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay và đều không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông H yêu cầu ly hôn và bà C cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, ông H được ly hôn với bà C .

2.2 Về con chung: Giữa ông H và bà C có 02 con chung tên Trần Thiên L, sinh ngày 08/01/2009 và Trần Minh T, sinh ngày 27/9/2016, hiện đang sống với ông H. Sau khi ly hôn ông H yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà C dưỡng nuôi con. Bà C đồng ý để ông H được trực tiếp nuôi 02 con. Ngoài ra, tại Đơn xem xét nguyện vọng của cháu Trần Thiên L ngày 15/8/2020 thì cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với ba là ông H sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để tiếp tục ổn định cuộc sống của các con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu L và cháu T cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông H phải tạo điều kiện cho bà C trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông H không yêu cầu nên bà C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Ông H và bà C xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông H là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Ông H và bà C có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Ông Trần Quốc H được ly hôn với bà Phan Thị Tố C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 215/KH, quyển số I/2007 ngày 28/9/2007 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Trần Thiên L, sinh ngày 08/01/2009 và Trần Minh T, sinh ngày 27/9/2016 cho ông Trần Quốc H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông H phải tạo điều kiện cho bà C trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do ông H không yêu cầu nên bà C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Quốc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007002 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Ông Trần Quốc H và bà Phan Thị Tố C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện; Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- UBND xã Long Điền A;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Trinh